

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: 228/CHRR/2021 - Quà tặng Tết Nguyên đán 2022 tri ân khách hàng SME Premier - Set quà thưởng

Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trần Phương

Chương I. CHỈ DẪN CHUNG

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB).
2. MB mời các nhà cung cấp (NCC) tham gia chào hàng rộng rãi gói mua sắm: “228/CHRR/2021 - Quà tặng Tết Nguyên đán 2022 tri ân khách hàng SME Premier - Set quà thưởng”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua sắm nêu tại Chương II của HSYC này.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của NCC

NCC là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói mua sắm này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. NCC phải nộp đơn chào hàng và Bảng giá chào theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, 02a, 02b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, NCC phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do NCC ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp NCC tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của NCC sẽ bị loại.
3. Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, NCC cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ đề xuất (HSDX)

HSDX do NCC chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng giá chào theo Mẫu số 02, 02a, 02b (nếu có);
3. Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật theo Mẫu số 03;
4. Hồ sơ năng lực gồm:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị

tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Hợp đồng tương tự theo yêu cầu tại Mục 2 Chương II.
- Cam kết đáp ứng các điều khoản chính trong Hợp đồng theo yêu cầu tại Chương IV.

5. Các nội dung cần thiết khác:

- NCC tham dự gửi kèm 01 bộ sản phẩm mẫu hoàn chỉnh, tỷ lệ 1:1 theo đúng yêu cầu kỹ thuật được nêu trong HSYC tại Mục 4 Chương II.
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, chất lượng hàng hóa nhập khẩu (VD: tờ khai hải quan, phiếu kết quả thử nghiệm...)

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá HSDX

1. NCC phải nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử cho Đơn vị mua sắm trước 16 h 00 ngày 07/12/2021 (thời điểm hết hạn nộp HSDX) theo địa chỉ:

- Phòng Mua sắm và Quản lý Tài sản - Khối Hành chính - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- Địa chỉ: Tầng 07, tòa nhà MB 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Đầu mối tiếp nhận: Vũ Thị Huyền Trang
- Điện thoại: 0988 66 68 69 Email: trangvth2@mbbank.com.vn

Các HSDX được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.

2. Trong quá trình đánh giá các HSDX, Đơn vị mua sắm có thể mời NCC có HSDX đạt yêu cầu và có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt NCC được lựa chọn ký hợp đồng

NCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX đáp ứng các yêu cầu trong HSYC;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt ngân sách gói mua sắm được duyệt.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI MUA SẮM

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSDX phải nộp	+ 01 bản gốc, 01 bản sao. + 01 bản copy bằng USB: (USB lưu toàn bộ HSDX, riêng bảng giá phải lưu dạng file Microsoft Excel)
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSDX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/sao y của đơn vị)

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	≥ 03 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp HSDX, được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương.	Bắt buộc
2	Số lượng các hợp đồng tương tự như hợp đồng của gói mua sắm này với tư cách nhà cung cấp chính tại Việt Nam từ năm 2018 đến nay	≥ 02 hợp đồng tương tự, giá trị mỗi hợp đồng: ≥ 1,5 tỷ đồng; Hoặc có tối thiểu 01 Hợp đồng tương tự với giá trị ≥ 1,5 tỷ đồng và nhiều hơn 01 Hợp đồng tương tự với tổng giá trị các Hợp đồng lớn hơn 02 tỷ đồng (NCC nộp bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty. Trường hợp cần nộp mình, MB có thể yêu cầu đối chiếu bản gốc)	Bắt buộc

3. Yêu cầu cung cấp hàng hóa:

NCC phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau và vận chuyển đến các Chi nhánh/Phòng giao dịch theo yêu cầu của MB trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc trước ngày 25/12/2021 (tùy điều kiện nào đến trước). Chi tiết được các bên thống nhất khi thương thảo Hợp đồng.

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu	Số lượng	Bảo hành	Các yêu cầu khác
1	Set quà tặng rượu vang kèm ly	In logo MB, thiết kế theo nhận diện thương hiệu MB	1.400	01 đổi 01 trong vòng 03 ngày	- Giao hàng tại các Chi nhánh/ Phòng giao dịch theo danh sách MB cung cấp trên toàn quốc. (Chi tiết danh sách Chi nhánh/ PGD của MB tại Phụ lục 01 đính kèm) - NCC tham dự gửi kèm 01 bộ sản phẩm mẫu hoàn chỉnh, tỷ lệ 1:1 theo đúng yêu cầu kỹ thuật được nêu trong HSYC.

4. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
1	Rượu vang	Rượu vang: Thương hiệu: Tiger Island Cabernet Sauvignon hoặc tương đương Dung tích: 750ml Độ cồn: ~ 14-15%
2	Ly pha lê	Cặp ly pha lê cao cấp lõi hạt pha lê khắc logo MB trên đế ly: Thương hiệu Sharlife hoặc Bohemia hoặc tương đương
3	Hộp	a. Hộp đựng chai rượu - Chất liệu: Giấy bồi mỹ thuật - Mặt trên hộp ép logo nhũ vàng - Khay hộp được lót mút xốp PE - Quy cách nắp: Nam châm b. Hộp ly + rượu: - Vỏ hộp bằng bìa 2 ly bồi giấy Mỹ thuật chất liệu nhám gân định lượng định lượng 150gms, - Mặt chính ép nhũ vàng họa tiết hoa mai & logo, in offset tòa nhà. - Ngôi sao logo được ép lấn - Quy cách nắp: Âm Dương - Đáy hộp bồi giấy mỹ thuật, bìa 1,2 ly - Khay hộp được lót mút xốp PE
4	Túi giấy	- Giấy mỹ thuật 250gms ép nhũ vàng họa tiết hoa mai & logo, in offset tòa nhà MB. - Dây túi quai vải, dây xương cá bản 2,5cm, đục OZZE - Màu sắc: MB Dark Blue 100% - Kích thước logo trên túi, hộp: (Đảm bảo tỷ lệ chuẩn phần logo là 32:77)

Ghi chú:

- Kích thước bộ hộp túi điều chỉnh phù hợp với quà tặng Rượu vang và ly.
- Tài liệu đính kèm:
 - Phụ lục 01 - Danh sách Chi nhánh/ PGD MB và Số lượng phân bổ quà tặng;
 - Phụ lục 02 - Tổng quan thiết kế bộ quà tặng Tết 2022

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và văn bản sửa đổi HSYC _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của HSYC với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là NCC chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp HSDX].

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói mua sắm mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**Đại diện hợp pháp của NCC**

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Thời gian bảo hành	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)
1	Hàng hoá thứ 1						M1
2	Hàng hoá thứ 2						M2
							
n	Hàng hoá thứ n						Mn
	Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí vận chuyển, thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 02b. Khi tham gia chào hàng rộng rãi, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp HSDX theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

ST T	Nội dung	Yêu cầu của HSYC	Yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Ghi chú và tài liệu tham chiếu (nếu có)
1				Đáp ứng/ Không đáp ứng	
2			M/O		
3			M/O		

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CHƯƠNG IV - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG

I. GIÁ TRỊ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. **Phương thức thanh toán:** chuyển khoản (*phí chuyển khoản thuộc trách nhiệm của Bên A*). Thanh toán làm hai lần:

Lần 1 - Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 50% giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký Hợp đồng và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- + Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng;
- + Thư bảo lãnh tạm ứng.

Lần 2 - Quyết toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị quyết toán theo số lượng thực tế giao nhận trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + Biên bản bàn giao tại điểm giao hàng;
- + Biên bản nghiệm thu tổng thể do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ.

2. **Quy định về các giấy tờ, hồ sơ thanh toán:**

- **Giấy đề nghị tạm ứng, thanh toán:** Ghi rõ nội dung cần tạm ứng, thanh toán, số tiền chính xác bằng số, bằng chữ, tên đơn vị thụ hưởng.
- **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh bằng 10% tổng giá trị Hợp đồng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương ứng.
- **Bảo lãnh tạm ứng:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị tiền tạm ứng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong Hợp đồng.
- **Biên bản bàn giao, nghiệm thu:** Đây là biên bản xác nhận công tác bàn giao, hoàn thiện công việc theo biểu mẫu của Bên A cung cấp trước khi tiến hành bàn giao và nghiệm thu. Trên đó phải thể hiện các nội dung: Danh mục hàng hóa, số lượng đã bàn giao, thời gian, địa điểm bàn giao. Bắt buộc trên biên bản này phải có chữ ký, dấu xác nhận của các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch của Bên A - nơi bàn giao hàng hóa.

II. TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ PHẠT VI PHẠM

NCC phải cung cấp, bàn giao hàng hóa trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc trước ngày 25/12/2021 (tùy điều kiện nào đến trước). Chi tiết được các bên thống nhất khi thương thảo Hợp đồng.

. Chi tiết được các bên thống nhất khi thương thảo Hợp đồng.

Phạt chậm tiến độ: Nếu bên B triển khai và nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định thì bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nghiệm thu chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm (nếu có)

PHỤ LỤC 01 – DANH SÁCH CHI NHÁNH/ PGD MB VÀ SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ DỰ KIẾN NĂM 2022

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
1	VN0010002	CN Sở Giao dịch 1	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	27
2	VN0010003	CN Thanh Xuân	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	18
3	VN0010004	CN Tây Hồ	Hà Nội	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4 Số 28 đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.	15
4	VN0010005	CN Trần Duy Hưng	Hà Nội	Tầng 1 tòa nhà số 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	21
5	VN0010006	PGD Láng Thượng	Hà Nội	Số 6 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	6
6	VN0010007	PGD Nghĩa Tân	Hà Nội	A2, Đơn nguyên 2, đường Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	3
7	VN0010008	Xuân Thủy	Hà Nội	Nhà số 3, Lô A, Khu D6, đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	9
8	VN0010009	Võ Chí Công	Hà Nội	Một phần diện tích tầng 1 tòa nhà N01-T4 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	7
9	VN0010010	Phùng Hưng	Hà Nội	Tầng 1, số 160 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	3
10	VN0010011	CN Mỹ Đình	Hà Nội	Tầng 1, tầng 2 nhà B, Tòa nhà HH4 Song Da Twin Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	22
11	VN0010012	Từ Liêm	Hà Nội	Phòng số 01, 02 tầng 1, tòa nhà "Au Viet Building" Số 1, Lê Đức Thọ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	3
12	VN0010014	Linh Đàm	Hà Nội	BT1, Ô4, Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.	4
13	VN0010020	PGD Nam Trung Yên	Hà Nội	Ô số 10 (Khu tái định cư Tái chỗ), đường Trung Yên 1, KĐT M Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
14	VN0010028	PGD Yên Phong	Bắc Ninh	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà tại đường 286, thôn Ngăn Cầu, thị trấn Chũ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	2
15	VN0010029	PGD Từ Sơn	Bắc Ninh	Tầng 1, Công ty TNHH Nعام Hồng, đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	3
16	VN0010030	CN Bắc Ninh	Bắc Ninh	Tầng 1, Tầng 2 và Tầng 9 Tòa nhà trụ sở Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Bắc Ninh. Số 24 đường Lý Thái Tổ, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	11
17	VN0010031	CN Đông Anh	Hà Nội	Tầng 1,2,3 Tòa nhà Trung tâm Du lịch và Thương mại Tổng hợp Cỏ Loa, Tổ 3 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	9
18	VN0010032	PGD Xuân Diệu	Hà Nội	Tầng 1 và một phần diện tích tầng 2 tòa nhà số 114 Xuân Diệu, phường Từ Liêm, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	1
19	VN0010033	PGD Vĩnh Phúc I	Hà Nội	Tầng 1 và tầng 2 số 102, 103, 203 nhà K2, khu 7.2 HẠ Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội.	4
20	VN0010034	PGD Đội Cấn	Hà Nội	Số 144, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	1
21	VN0010035	CN Gia Lâm	Hà Nội	Số 132 - 134 đường Ngô Xuân Quang, thị trấn Trần Quý, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	4
22	VN0010051	CN Điện Biên Phủ	Hà Nội	Số 28A Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20
23	VN0010052	Lý Nam Đế	Hà Nội	Số 14C Lý Nam Đế, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10
24	VN0010053	CN Long Biên	Hà Nội	Tầng 1, 3, 4, 5 số 137 C Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.	8
25	VN0010054	CN Thăng Long	Hà Nội	Số 34, Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	21
26	VN0010055	Minh Khai	Hà Nội	Tầng 1, 2,3,4 số 409 tổ 52 Kim Ngưu, Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	3
27	VN0010056	CN Hoàng Quốc Việt	Hà Nội	Số 126 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	21

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
28	VN0010057	CN Hoàn Kiếm	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 tòa nhà TTXVN Số 79 phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	27
29	VN0010058	Thành Công	Hà Nội	Ô số 8 tầng 1, ô số 3 tầng 8 Tòa nhà Văn phòng Sông Hồng, số 165 đường Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	16
30	VN0010059	CN Đống Đa	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Trụ sở làm việc Trung tâm Phát thanh truyền hình Quân đội, số 165 Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	18
31	VN0010060	Lân Ông	Hà Nội	Số 17 phố Hàng Cân, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	12
32	VN0010061	PGD Chợ Hôm	Hà Nội	Tầng 1,2,3 số 79-81 Trần Xuân Soạn, Phường Ngõ Thi Nhâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.	2
33	VN0010062	Giảng Võ	Hà Nội	Một phần tầng 1, tòa nhà TTTM Chợ Mơ, 459C phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	9
34	VN0010063	Giải Phóng	Hà Nội	Một phần tầng 1 và tầng lửng tòa nhà HH2 Dự án Khu hỗn hợp nhà ở, dịch vụ công cộng, văn phòng và trường học (tên thương mại Imperial Plaza) tại địa chỉ số 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	9
35	VN0010064	Nam Hà Nội	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 8 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	9
36	VN0010065	CN Hai Bà Trưng	Hà Nội	Một phần tầng 1 khu văn phòng, tòa nhà Tower 1, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	14
37	VN0010066	Ngõ Gia Tự	Hà Nội	Số 32, đường Ngõ Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	5
38	VN0010067	Trần Hưng Đạo	Hà Nội	Một phần tầng 2, tầng 5 tòa nhà số 03 phố Lương Yên "Sun Grand City Ancora Residence", phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	4
39	VN0010068	Lê Trọng Tấn	Hà Nội	Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	6

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
40	VN0010069	PGD Kim Liên	Hà Nội	Phòng 8, phòng 9 nhà 132 đường Lê Duẩn TTDS, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	2
41	VN0010070	Thụy Khuê	Hà Nội	Một phần tầng 1 vị trí L1-A-B tại dự án Tổ hợp văn phòng, dịch vụ thương mại, căn hộ và khu đỗ xe công cộng tại số 69B phố Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.	4
42	VN0010072	PGD Thái Thịnh	Hà Nội	Số 71 - 73 Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	2
43	VN0010073	Hà Thành	Hà Nội	Số 192A/1 và 192A/2 phố Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	6
44	VN0010074	Nhân Chính	Hà Nội	Tầng 1, tòa nhà Thăng Long, Số 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	17
45	VN0010075	Tây Sơn	Hà Nội	Tầng 1, 3 tòa nhà số 539 - 539A, phố Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	7
46	VN0010076	Bà Triệu	Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5 tòa nhà số 18 phố Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	2
47	VN0010077	PGD Hoàng Cầu	Hà Nội	Tầng 2,3,4 số 67 Trần Quang Diệu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	2
48	VN0010079	PGD Tân Mai	Hà Nội	Số 641, nhà H5, TT Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
49	VN0010080	Lý Thái Tổ	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 17 phố Tông Đản, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	3
50	VN0010081	PGD Trúc Bạch	Hà Nội	Số 20, phố Nguyễn Trường Tộ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	3
51	VN0010086	CN Ba Đình	Hà Nội	Số 3 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	15

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
52	VN0010090	CN Thái Nguyên	Thái Nguyên	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 679 đường Lương Ngọc Quyền, tổ 22, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	3
53	VN0010091	PGD Trung Vương	Thái Nguyên	Tầng 1, Công tình Chợ Thái, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	1
54	VN0010092	PGD Hoàng Văn Thụ	Thái Nguyên	Số 65 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	2
55	VN0010095	CN Gia Lai	Gia Lai	Số 08 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	16
56	VN0010096	PGD Pleiku	Gia Lai	Số 07 Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	3
57	VN0010100	Tân Hương	Hồ Chí Minh	Số 229 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	7
58	VN0010101	CN TP Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Số 18B đường Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	33
59	VN0010102	Hầm Ngôi	Hồ Chí Minh	Tầng trệt (tầng 1), tầng 2 tòa nhà Beta số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	16
60	VN0010103	CN Sở Giao Dịch 2	Hồ Chí Minh	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2 Tòa Nhà Sunway Tower, Số 259 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	16
61	VN0010105	Tân Cảng	Hồ Chí Minh	150-150A đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	4
62	VN0010106	Trường Chinh	Hồ Chí Minh	318 Trường Chinh, khu phố 6, phường Tân Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.	3
63	VN0010107	Quận 6	Hồ Chí Minh	Số 10 – 12 đường Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.	6
64	VN0010108	Đinh Tiên Hoàng	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 số 86, 88 Đinh Tiên Hoàng, phường 1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	3
65	VN0010109	Tân Sơn Nhất	Hồ Chí Minh	Một phần tầng 1 tòa nhà Garden Gate, số 08 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	2

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
66	VN0010110	CN Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	11
67	VN0010111	Nguyễn Tri Phương	Hồ Chí Minh	431-433 Nguyễn Tri Phương, Phường 08, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	7
68	VN0010112	3 tháng 2	Hồ Chí Minh	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà 198A đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	6
69	VN0010113	Thống Nhất	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2 số 102-104-106 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	5
70	VN0010114	Tân Định	Hồ Chí Minh	192 đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	1
71	VN0010116	Độc Lập	Hồ Chí Minh	Một phần tầng trệt và tầng 4, số 07 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	7
72	VN0010117	Khánh Hội	Hồ Chí Minh	Số 192, 194 đường Khánh Hội, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	12
73	VN0010120	Kỳ Đồng	Hồ Chí Minh	Một phần diện tích tầng 1 và toàn bộ tầng 2 tòa nhà Số 161, 163 đường Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	11
74	VN0010130	CN Nam Bình Dương	Bình Dương	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 4 Tòa nhà văn phòng ICD Tân Cảng - Sóng Thần - Số 7/20, đường DT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	7
75	VN0010140	CN Bình Dương	Bình Dương	Số 306 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	18
76	VN0010142	PGD Tân Uyên	Bình Dương	Số 63/2 đường DT 746, Khu phố Bình Hòa 1, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	3
77	VN0010144	PGD Uyên Hưng	Bình Dương	Thửa đất số 53 tờ bản đồ 10, đường ĐT 747, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1
78	VN0010146	Bến Thành	Hồ Chí Minh	Số 414C-414D Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	1

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
79	VN0010151	CN An Phú	Hồ Chí Minh	Chung cư An Phú, KĐT M An Phú - An Khánh, Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	11
80	VN0010154	Quận 9	Hồ Chí Minh	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2, số 25B Lê Văn Việt, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	3
81	VN0010155	Thủ Đức	Hồ Chí Minh	Số 282 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	5
82	VN0010157	Thảo Điền	Hồ Chí Minh	Số 65 đường Xuân Thủy, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	3
83	VN0010160	CN Nam Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, Tòa nhà M Building, số 09 đường số 08, Khu A, Đô thị Mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	7
84	VN0010180	CN Thanh Trì	Hà Nội	Một phần diện tích tầng 1 và tầng 1B của tòa nhà An & Huy, thửa đất số GD1-1, GD1-2, GD1-3 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.	5
85	VN0010201	CN Bắc Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Số 3 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.	19
86	VN0010202	Quang Trung	Hồ Chí Minh	Số 170 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.	7
87	VN0010203	PGD Sông Thân	Bình Dương	20 Nguyễn An Ninh, KP Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	2
88	VN0010204	Quận 10	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng 1 tầng 2 số 327-329 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.	8
89	VN0010205	Quận 12	Hồ Chí Minh	Số 312 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 3, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh	5
90	VN0010220	CN Gia Định	Hồ Chí Minh	Số 3 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	18
91	VN0010221	Bình Thạnh	Hồ Chí Minh	Tầng 1, tầng lửng và tầng 2 số 310 đường Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	4
92	VN0010223	Lê Văn Sỹ	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng 1, tầng 2 và tầng 3 số 67 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	5

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
93	VN0010226	CN Phú Nhuận	Hồ Chí Minh	Một phần tầng Trệt tòa nhà Prince Residence, số 19 - 21 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	6
94	VN0010230	CN Ninh Bình	Ninh Bình	Số 1112 đường Trần Hưng Đạo, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.	7
95	VN0010232	PGD Vân Giang	Ninh Bình	Số 125 (số cũ 114) đường Vân Giang, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	3
96	VN0010233	PGD Gia Viễn	Ninh Bình	Thửa đất số 2621 và thửa đất số 2613 tờ bản đồ số 381E, xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	3
97	VN0010240	CN Tân Tạo	Hồ Chí Minh	Số B3/16 - B3/17, quốc lộ 1A, ấp 2 xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	3
98	VN0010251	CN Hải Phòng	Hải Phòng	Tầng 1, tầng 2 và tầng 10 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Phòng, thửa đất số 06, lô 30A, khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, đường Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	12
99	VN0010252	PGD Lê Chân	Hải Phòng	Số 146 Tôn Đức Thắng, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	2
100	VN0010253	CN Nam Hải Phòng	Hải Phòng	Tầng trệt (tầng 1), tầng 3 tòa nhà Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng, số 268 đường Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	6
101	VN0010254	PGD Lạch Tray	Hải Phòng	Số 02B Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	1
102	VN0010256	PGD Vô Nguyên Giáp	Hải Phòng	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà tại thửa đất số 512 lô HK17 Khu dự án đô thị Ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	1
103	VN0010257	PGD Hải An	Hải Phòng	Số 206, 216 đường Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	1
104	VN0010259	PGD Thương Lý	Hải Phòng	Nhà số BH01-51, Khu đô thị xi măng Hải Phòng (Khu đô thị Vinhomes Imperia Hải Phòng), đường Bạch Đằng, phường Thương Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	1

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
105	VN0010260	PGD Quán Toan	Hải Phòng	Số 212 đường Hùng Vương, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	2
106	VN0010263	CN Bắc Hải Phòng	Hải Phòng	Số 5 đường Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	4
107	VN0010264	PGD Lê Hồng Phong	Hải Phòng	Tầng 1 toà nhà Diamond Building số A1-7, Lô 8A đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	2
108	VN0010268	CN Bình Chánh	Hồ Chí Minh	Số 207 – 209 đường số 9A, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	8
109	VN0010270	CN Hải Dương	Hải Dương	Tầng 1, tầng 2 số 248 đại lộ Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	9
110	VN0010275	CN Tây Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Số 27/2B đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	3
111	VN0010280	CN Đông Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Tầng trệt tòa nhà Số 538 đường CMT8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	4
112	VN0010281	Tân Thuận	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 và tầng 3 tòa nhà số 300A, 300B đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	5
113	VN0010282	Nguyễn Đình Chiểu	Hồ Chí Minh	Số 569 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	2
114	VN0010285	CN Nhà Bè	Hồ Chí Minh	Số 59 Khu dân cư Phú Long, đường Nguyễn Hữu Thọ, ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	4
115	VN0010301	CN Đà Nẵng	Đà Nẵng	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 6 số 174 Lê Đình Lý, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	15
116	VN0010302	PGD Hải Châu	Đà Nẵng	Số 199 đường Đống Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	1

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
117	VN0010305	PGD Sông Hàn	Đà Nẵng	Tầng 1, 2, 3 tòa nhà Lô 14-15 đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	2
118	VN0010306	PGD Sơn Trà	Đà Nẵng	Tầng 1, tầng lửng Tòa nhà số 222-224 đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	1
119	VN0010307	CN Nam Đà Nẵng	Đà Nẵng	Số 152 đường 2/9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	9
120	VN0010309	PGD Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Tầng 1 tòa nhà Công ty cổ phần xây dựng công trình 545, số 324 Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.	6
121	VN0010310	PGD Đức Thọ	Hà Tĩnh	Tổ dân phố 8, đường Trần Phú, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	1
122	VN0010330	Hội An	Quảng Nam	Số 594 Hai Bà Trưng, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	4
123	VN0010331	CN Quảng Nam	Quảng Nam	Số 284 Phan Chu Trinh, phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	16
124	VN0010340	CN Dak Lak	Đắk Lắk	Số 37 Hai Bà Trưng, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	19
125	VN0010351	CN Việt Trì	Việt Trì	Số 1596 đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	4
126	VN0010353	PGD Nam Việt Trì	Việt Trì	Số 779 Đại Lộ Hùng Vương, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.	3
127	VN0010354	PGD Đền Hùng	Việt Trì	Trạm khách T44, quần Khu II, khu 1, phường Văn Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1
128	VN0010355	CN Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Một phần tầng 1, tòa nhà vietel Vĩnh phúc, KĐT chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.	6
129	VN0010358	PGD Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Số 65 đường Trần Hưng Đạo, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	3

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
130	VN0010401	CN Bình Định	Bình Định	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội, số nhà 322 đường Nguyễn Thái Học, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	16
131	VN0010402	PGD Quy Nhơn	Bình Định	Số 285 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	4
132	VN0010403	PGD Diêu Trì	Bình Định	Số 45 Trần Phú, thôn Văn Hội 2, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.	3
133	VN0010451	CN Cẩm Thợ	Cẩm Thợ	Tầng 1, tầng 2 và tầng 7 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Cẩm Thợ, số 77, 77B Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cẩm Thợ.	9
134	VN0010461	CN An Giang	An Giang	Số 1293 đường Trần Hưng Đạo, tổ 22, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	4
135	VN0010501	CN Huế	Huế	Một phần tầng 1,2,3, Tòa nhà số 07 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	1
136	VN0010504	CN Quảng Trị	Quảng Trị	Số 134, quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	18
137	VN0010506	PGD Khe Sanh	Quảng Trị	Số 144 Lê Duẩn, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	1
138	VN0010510	CN Quảng Bình	Quảng Bình	Số 58 đường Quang Trung, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	12
139	VN0010515	CN Lạng Sơn	Lạng sơn	Số 88-90 đường Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	1
140	VN0010520	CN Tuyên Quang	Tuyên Quang	Số 155, đường Bình Thuần, tổ 19, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	1
141	VN0010525	CN Yên Bái	Yên Bái	Số 736 đường Điện Biên, tổ 44, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	3
142	VN0010551	CN Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 81 Nguyễn Thái Học, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	9

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
143	VN0010552	PGD Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 153, 155 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.	4
144	VN0010553	PGD Phú Mỹ	Bà Rịa Vũng Tàu	Tầng trệt, Block A, lô N3, nhà ở xã hội chung cư 18 tầng, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.	1
145	VN0010554	PGD Rạch Dừa	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 478 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	5
146	VN0010560	CN Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 86 - 88 đường Bạch Đằng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	6
147	VN0010601	CN Quảng Ninh	Quảng Ninh	Số 156 đường Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	8
148	VN0010602	PGD Cẩm Phả	Quảng Ninh	Số 352 đường Trần Phú, tổ 7B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	3
149	VN0010603	CN Uông Bí	Quảng Ninh	Số 277, đường Quang Trung, Tổ 24 A, khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.	3
150	VN0010604	PGD Hạ Long	Quảng Ninh	Số 328, tổ 1B, khu 6A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	3
151	VN0010605	PGD Mạo Khê	Quảng Ninh	Số 196 Ngã 4, khu Hoàng Hoa Thám, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.	1
152	VN0010606	PGD Bãi Cháy	Quảng Ninh	Số nhà 489, đường Hạ Long, tổ 8, khu 9A, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	1
153	VN0010651	CN Quảng Ngải	Quảng Ngải	Nhà khách T50, số 168 đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngải, tỉnh Quảng Ngải	13
154	VN0010652	PGD Trà Khúc	Quảng Ngải	Số 24 Quang Trung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngải, tỉnh Quảng Ngải	3
155	VN0010660	CN Bình Phước	Bình Phước	Thửa đất số 225, 226, tờ bản đồ số 45, đường Phú Riêng Đò, phường Tân Thuận, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	19
156	VN0010661	PGD Phước Long	Bình Phước	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	4



STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
157	VN0010670	CN Sóc Trăng	Sóc Trăng	Số 26 Lê Duẩn, khóm 7, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	2
158	VN0010701	CN Quận 5	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng 1 và tầng 2 số 353 – 355 đường An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.	7
159	VN0010702	Quận 8	Hồ Chí Minh	Số 829 - 829A đường Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	3
160	VN0010703	Lê Đại Hành	Hồ Chí Minh	Số 357A, 357C Lê Đại Hành, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.	2
161	VN0010704	Bình Tân	Hồ Chí Minh	Số 435, 437, 439, 441 Đường số 7, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.	2
162	VN0010710	CN Đồng Tháp	Đồng Tháp	Số 204-206 đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	4
163	VN0010711	PGD Hồng Ngự	Đồng Tháp	Số 66 - 68 đường Võ Văn Kiệt, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	1
164	VN0010714	CN Long An	Long An	Số 32 đường Trà Quý Bình, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An	4
165	VN0010720	CN Đồng Nai	Đồng Nai	Số K23 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	16
166	VN0010721	CN Long Thành	Đồng Nai	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 57 (11-3) - Số 301, Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.	3
167	VN0010722	PGD Tam Hiệp	Đồng Nai	Số 76/8 đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	2
168	VN0010723	PGD Tân Hòa	Đồng Nai	Số 78/16, Khu phố 8, Phường Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	2
169	VN0010724	CN Long Khánh	Đồng Nai	Số N6-N7 đường Hùng Vương, phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	8
170	VN0010725	PGD Trảng Bom	Đồng Nai	Số 8/3A ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	2

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
171	VN0010726	PGD Xuân Lộc	Đồng Nai	Số 132, đường Hùng Vương, khu phố 5, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	1
172	VN0010727	CN Phú Quốc	Kiên Giang	Số 249-251 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.	4
173	VN0010730	CN Móng Cái	Quảng Ninh	Số 2 đường Hùng Vương, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	2
174	VN0010734	CN Tây Ninh	Tây Ninh	Số 360, 362, đường 30/04, khu phố 1, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	5
175	VN0010735	PGD Xa Mát	Tây Ninh	Số 68-70 đường Phạm Hùng(QL 22B), khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	8
176	VN0010736	PGD Tân Châu 1	Tây Ninh	Số 95 Trần Văn Trà, khu phố 2, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	1
177	VN0010737	CN Lào Cai	Lào Cai	Số 119 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	3
178	VN0010738	PGD Phố Mới	Lào Cai	Số 074 đường Phan Đình Phùng, tổ 16, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	2
179	VN0010740	CN Hưng Yên	Hưng Yên	Tầng 1, tầng 5, tòa nhà Viettel Hưng Yên, số 537 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	2
180	VN0010742	PGD Phố Mới	Hưng Yên	Thửa đất số 107, tờ bản đồ số 27, đường Nguyễn Văn Linh, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	4
181	VN0010745	CN Lâm Đồng	Lâm Đồng	Số 26 Phan Đình Phùng, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	8
182	VN0010747	CN Bảo Lộc	Lâm Đồng	Số 33 - 35 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	8
183	VN0010748	CN Tiền Giang	Tiền Giang	Số 116 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2
184	VN0010750	PGD Lâm Hà	Lâm Đồng	Số 750 Hùng Vương, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.	1

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
185	VN0010751	CN Cà Mau	Cà Mau	Số 44-46, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	8
186	VN0010755	CN Thái Bình	Thái Bình	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Thái Bình, số 431 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	6
187	VN0010756	PGD Hưng Hà	Thái Bình	Đường 39A, Khu Nhân cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Thửa đất số 438, tờ bản đồ số 22, số vào sổ cấp GCN: CS00910)	1
188	VN0010757	PGD Thái Thụy	Thái Bình	Tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh thái Bình	1
189	VN0010758	CN Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Số 80 Phan Đình Phùng, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	5
190	VN0010761	CN Bắc Giang	Bắc Giang	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà trụ sở Viettel Bắc Giang lô A4, làn 2, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	9
191	VN0010762	PGD Lục Nam	Bắc Giang	Số 375 phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	3
192	VN0010765	CN Bình Thuận	Bình Thuận	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Bình Thuận, Khu dân cư Hùng Vương, đường Tôn Đức Thắng, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	6
193	VN0010770	CN Hà Nam	Hà Nam	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Hà Nam, quốc lộ 1A đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam	12
194	VN0010775	CN Nam Định	Nam Định	Một phần tầng 1, tầng 3, tòa nhà đa năng số 625 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Vương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	10
195	VN0010776	PGD Hải Hậu	Nam Định	Xóm 17 Xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	1
196	VN0010785	CN Sơn La	Sơn La	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel, số 1 Chu Văn Thỉnh, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	3
197	VN0010800	CN Khánh Hòa	Khánh Hòa	Số 09 đường Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	7

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
198	VN0010801	PGD Nha Trang	Khánh Hòa	Số 273 đường 23/10, phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	7
199	VN0010802	PGD Vĩnh Hải	Khánh Hòa	Số 554 đường 2 tháng 4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	3
200	VN0010803	CN Cam Ranh	Khánh Hòa	Số 151 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	14
201	VN0010810	CN Nghệ An	Nghệ An	Số 2 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	9
202	VN0010812	PGD Trung Đô	Nghệ An	Số 191 đường Lê Duẩn, khối 7, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.	2
203	VN0010814	PGD Hà Huy Tập	Nghệ An	Tòa nhà Viettel, đường Lê Nin, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	3
204	VN0010820	CN Tây Hà Nội	Hà Nội	Tầng 1, Tòa nhà Nam Cường KM4, đường Lê Văn Lương kéo dài, KĐT M Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	22
205	VN0010821	PGD Hà Đông	Hà Nội	Tầng 2, số 80 Đường Lê Lợi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	1
206	VN0010824	Văn Phú	Hà Nội	Một phần tầng 1 tòa nhà CT9, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú Lả, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	1
207	VN0010827	Hòa Lạc	Hà Nội	Tầng 1, Tòa nhà Công ty TNHH MTV Phát triển Khu CNC Hòa Lạc, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	2
208	VN0010830	CN Sơn Tây	Hà Nội	Số 279, 281 Chùa Thông, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	4
209	VN0010832	PGD Mỹ Đình I	Hà Nội	Kios số 03 – Lô đất 1.A.IV KĐT M Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	1
210	VN0010833	Đan Phượng	Hà Nội	Km 21, Quốc Lộ 32, Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.	4
211	VN0010840	CN Thanh Hóa	Thanh Hóa	Số 54+56+60 Trần Phú, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	9

STT	Mã code	Tên Chi nhánh/PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ giao hàng	Số lượng dự kiến
212	VN0010841	PGD Phan Chu Trinh	Thanh Hóa	Số 15, Khu nhà ở TM, đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	2
213	VN0010842	PGD Nghi Sơn	Thanh Hóa	Số nhà 96-98 đường Đào Duy Từ, tiểu khu 5, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3
214	VN0010843	PGD Lam Sơn	Thanh Hóa	Tiểu khu 6, Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	1
215	VN0010850	CN Phú Yên	Phú Yên	Số 99A - 101 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	6
216	VN0010855	CN Bến Tre	Bến Tre	Số 90A3 đường Đại Lộ Đồng Khởi, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	5
217	VN0010882	Xuân Mai	Hà Nội	Số 51, tổ 6, khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	2
218	VN0010900	CN Cù Chi	Hồ Chí Minh	Thửa đất số 71 và 72, tờ bản đồ số 19, thị trấn Cù Chi, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh	2
219	VN0010920	CN Hoài Đức	Hà Nội	Lô A38-NV 16 ô số 11 và ô số 12, khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.	2
220	VN0010950	CN Sở giao dịch 3	Hà Nội	Tầng 2, Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	18
TỔNG CỘNG					1400



